

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2020/DS-ST**

Ngày: 29/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Thu Đoàn

2. Ông Nguyễn Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Tấn Tâm- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ch- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST- DS ngày 23/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Km7, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Quang T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Đội 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Phan Thị Lan H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Đội 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

Anh P có mặt, anh T chị H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:

Với lý do việc làm ăn gặp khó khăn, anh Trần Quang T có hỏi vay tiền của anh 03 lần, cụ thể như sau:

- **Lần 1:** Ngày 26/9/2019, vay số tiền 40.000.000đ. Sau khi viết và ký tên vào giấy mượn tiền, anh T đã nhận đủ số tiền trên và cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền 40.000.000đ cho anh P vào ngày 29/12/2019.

- **Lần 2:** Ngày 22/10/2019, vay thêm số tiền 40.000.000đ. Sau khi viết và ký tên vào giấy mượn tiền, anh T đã nhận đủ số tiền trên và cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền 40.000.000đ cho anh P vào ngày 29/12/2019.

- **Lần 3:** Ngày 29/10/2019, vay thêm số tiền 20.000.000đ. Sau khi viết và ký tên vào giấy mượn tiền, anh T đã nhận đủ số tiền trên và cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền 20.000.000đ cho anh P vào ngày 29/12/2019.

Tổng cộng số tiền mà anh T vay 03 lần của anh Nguyễn Duy P là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Thế nhưng anh P đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu anh T trả số tiền nêu trên nhưng anh T cố tình tránh né và không có thiện chí để trả số tiền nêu trên cho anh P.

Khi gửi đơn khởi kiện thì anh Nguyễn Duy P yêu cầu chị Phan Thị Lan H (anh P trình bày là vợ của anh T) cùng liên đới trả khoản tiền nợ nêu trên nhưng đến ngày 04/9/2020 thì anh P có đơn rút yêu cầu này. Nay, anh Nguyễn Duy P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Quang T phải trả lại cho anh số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), không yêu cầu trả tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản và triệu tập nhưng bị đơn anh Trần Quang T không đến Tòa án, không có bản trình bày và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì. Công an xã T xác nhận anh Trần Quang T có hộ khẩu thường trú tại đội 4, T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã không chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu của anh Nguyễn Duy P buộc chị Phan Thị Lan H (anh P trình bày là vợ của anh Trần Quang T) cùng liên đới với anh Trần Quang T trả khoản tiền nợ gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*); áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P. Buộc anh Trần Quang T phải trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), không xem xét tính tiền lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Quang T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng:

- Bị đơn anh Trần Quang T hiện đang trú tại đội 4, T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là dựa trên nội dung thỏa thuận ghi trong giấy mượn tiền đề ngày 26/9/2019, 22/10/2019 và 29/10/2019 giữa các bên nên đây là quan hệ tranh chấp “Giao dịch dân sự về vay mượn tài sản”. Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Trần Quang T đã được Tòa án nhân dân huyện S triệu tập họp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, biên bản thỏa thuận này có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, bên anh Trần Quang T đã không thực hiện đúng theo nghĩa vụ đã cam kết. Vì vậy, giao dịch (việc thỏa thuận ghi trong giấy ghi trong giấy mượn tiền đề ngày 26/9/2019, 22/10/2019 và 29/10/2019) này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện. Chị Phan Thị Lan H không liên quan gì đến khoản vay của anh Trần Quang T.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Trần Quang T có vay mượn của anh Nguyễn Duy P số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Do đó, anh Nguyễn Duy P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Quang T phải số tiền nêu trên cho anh là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Anh Nguyễn Duy P không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Anh Trần Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp cho anh Nguyễn Duy P.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

[5]Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 233 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

2. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P. Buộc anh Trần Quang T phải trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), không trả tiền lãi.

- Đình chỉ phần yêu cầu của anh Nguyễn Duy P buộc chị Phan Thị Lan H cùng liên đới với anh Trần Quang T trả khoản tiền nợ gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) cho anh Nguyễn Duy P;

3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quang T phải chịu 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000đ (*hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) cho anh Nguyễn Duy P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006102 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Thượng Trọng Ký